

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/HSST  
Ngày 24/11/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Thịnh – Giáo viên hưu trí

Bà Hồ Thị Thúy Hằng- Phó Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ huyện Quỳnh Lưu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Lệ Giang - Thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:*** Bà  
Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 157/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Duy S;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 25/7/2005 tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: xóm Hưng Tân, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Học sinh ; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Duy T, sinh năm: 1983 và con bà: Phạm Thị H, sinh năm: 1987; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Lê Duy T, sinh năm 1983 (bố đẻ). Có mặt;

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1987 (mẹ đẻ). Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn Hà- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Nghệ An- Chi nhánh số 1. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Phan Trung N, sinh ngày 16/6/2005. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn C, sinh năm 1981 (bố đẻ). Vắng mặt  
Cùng nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn C, sinh năm 1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Trần Văn A, sinh ngày 05/8/2005. Vắng mặt

Người đại diện: Ông Trần Văn V, sinh năm 1980 (bố đẻ), bà Bùi Thị L, sinh năm 1982 (mẹ đẻ). Đều vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khối T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Lâm Minh T, sinh năm 1996. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 19/7/2022, tại nhà văn hóa xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An, Lê Duy S đã lén lút lấy trộm một chiếc xe máy điện nhãn hiệu NIJIA X-men GLX, màu: Đen nhám, số khung RPLYBEJUMNHY 00143, số động cơ CLMVEK001835 của anh Phan Trung N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 351/KL-ĐGTS ngày 05/8/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND huyện Quỳnh Lưu xác định: 01 (Một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu NIJIA X-men GLX, màu: Đen nhám; Số khung 00143; số máy: 001835 mà Lê Duy S đã trộm cắp có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 173/CT-VKS-QL ngày 07/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An truy tố Lê Duy S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Duy S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Trung N đã nhận lại tài sản bị mất, đồng thời Lê Duy S đã tác động gia đình đền bù số tiền 7.400.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T nên anh N và anh T không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Duy S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa trình bày: Nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Lê Duy S. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ, việc nhận thức pháp luật còn hạn chế. Nên đề nghị HĐXX xem xét để áp dụng các điều luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 100 BLHS, xử phạt: bị cáo Lê Duy S 06 tháng cải tạo không giam giữ;. Không khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Duy S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo tiếp tục học tập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản báo bị mất của bị hại và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét vụ án có tính chất ít nghiêm trọng; Bị cáo Sỹ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn dân cư.

[4] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Duy S thực hiện tội phạm khi chưa đủ 18 tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đang là học sinh và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục để bị cáo thành công dân có ích, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo đang là học sinh nên không khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Trung N đã nhận lại tài sản bị mất, đồng thời Lê Duy S đã tác động gia đình đền bù số tiền 7.400.000 đồng cho anh Nguyễn Văn T nên anh N, anh T không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Đối với anh Trần Văn A là người Lê Duy S nhờ đẩy xe máy điện đi bán nhưng không biết chiếc xe máy điện trên là do S trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người đã mua chiếc xe máy điện của Lê Duy S nhưng không biết chiếc xe máy điện trên là do S trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Duy S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm b i s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy S 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Duy S cho UBND xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục.

Án Phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Duy S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THA hình sự h.Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Q/Lưu;
- UBND xã Quỳnh Châu;
- Lưu VP-HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**